

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 118/GP-UBCK ngày 15/9/2014 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GPĐC-UBCK ngày 06/03/2018.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng
- Địa chỉ:
 - *Trụ sở chính:* Tầng 3, số 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Số điện thoại: 024 7108 8848 Fax: 024 3944 5889
 - *Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:* Tầng 2, số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: 028 7108 8848 Fax: 028 3915 2931
- Website: <https://www.vise.com.vn>
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 09 năm 2014. Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC). Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 686/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp trên cơ sở Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam cũ. Ngày 06/03/2018, Công ty đã nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GPĐC-UBCK sau khi đã đăng ký bổ sung Nghiệp vụ Tự Doanh Chứng Khoán.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:

- *Trụ sở chính:* Tầng 3, số 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số điện thoại: 024 7108 8848

Fax: 024 3944 5889

- *Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:* Tầng 2, số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028 7108 8848

Fax: 028 3915 2931

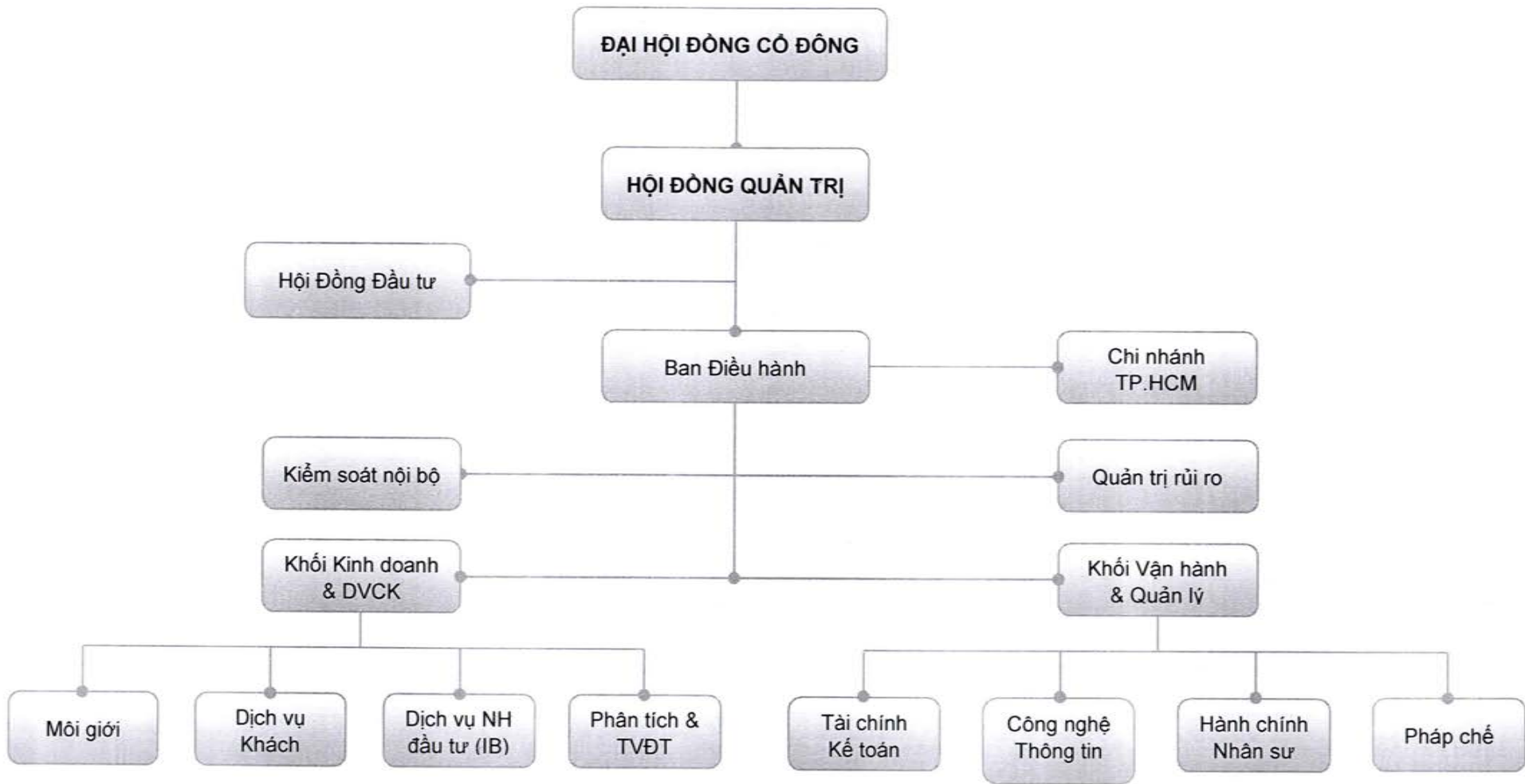
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị doanh nghiệp của VIS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của VIS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ Tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban, Chi nhánh.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cho đến ngày 31/12/2020 công ty áp dụng mô hình tổ chức sau:



Chức năng và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành được quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Các công ty con, công ty liên kết:

Tại thời điểm 31/12/2020 VIS không có công ty con và không có công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

a) Mục tiêu chủ yếu của công ty:

Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- Nhân sự: Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động cho toàn thể nhân sự của công ty để có thể tự phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- Công nghệ: Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và quản trị công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.
- Sản phẩm: Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.
- Tài chính: Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của công ty trong mọi tình huống.
- Quản trị rủi ro: Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Quản trị chi phí: Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

VIS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty luôn ưu tiên phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp bao gồm tài sản, con người và văn hóa công ty. Trong ngắn hạn, công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị minh bạch nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về minh bạch theo thông lệ tốt nhất. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư, nhân viên công ty tin tưởng vào hoạt động, sự phát triển của công ty. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hóa công ty.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro xảy ra do hoạt động của Công ty:

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh... Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

b) Rủi ro thanh toán:

Xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi VIS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán

của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

c) Rủi ro thanh khoản:

Xảy ra khi công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của VIS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho VIS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, VIS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

d) Rủi ro pháp lý:

Xảy ra khi công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiện tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro giám sát hàng ngày, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, VIS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	1/1/2020	31/12/2020
1	Tổng tài sản	221.834	214.976
2	Vốn chủ sở hữu	157.188	164.232
3	Vốn điều lệ	150.000	150.000
4	Tổng Doanh thu	27.690	35.885
5	Tổng Chi phí	26.924	25.557
6	Tổng LN trước thuế	766	10.328
7	LNST	766	7.158

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2020)

❖ Hoạt động môi giới:

- Về định hướng chiến lược: Hoạt động môi giới và giao dịch của VIS kế thừa nền tảng về khách hàng, hỗ trợ tài chính, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán: Trong năm 2020, hoạt động giao dịch của VIS vẫn được duy trì ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2020 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.
- Công tác kiểm soát: Công tác kiểm soát luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ lệnh đặt của khách hàng trên cơ sở kiểm tra, giám sát các quy trình thực hiện nghiệp vụ, soát lệnh trên hệ thống.
- Công tác quản trị rủi ro: Luôn bám sát và nắm bắt mọi biến động của thị trường, chủ động đưa ra các kịch bản và giải pháp xử lý rủi ro cho từng giai đoạn của thị trường, hỗ trợ và giúp hoạt động môi giới an toàn, ổn định. Kiểm soát các hoạt động hỗ trợ tài chính lành mạnh, an toàn.
- Kết quả hoạt động: Hoạt động môi giới là hoạt động mang lại doanh thu chủ yếu cho VIS trong năm 2020, tổng giá trị giao dịch của VIS trong năm 2020 xấp xỉ 4.910 tỷ đồng, tương đương giá trị giao dịch 18,8 tỷ đồng /ngày, chiếm 0,6% thị phần môi giới của toàn thị trường.

- ❖ Hoạt động hỗ trợ tài chính: Tổng dư nợ cho vay GDKQ bình quân đạt 42,2 tỷ đồng, tổng giá trị ứng trước của khách hàng bình quân là 2,7 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động này góp phần quan trọng trong tổng doanh thu của VIS trong năm 2020.
- ❖ Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư: Trong năm 2020, VIS tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ M&A, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các dịch vụ giá trị cao khác. Doanh thu ròng từ hoạt động tư vấn của toàn Công ty đã có những tiến triển nhất định, đạt 6,38 tỷ đồng.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong bối cảnh thị trường Chứng khoán trong nước nhiều biến động, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và toàn thể Ban điều hành cũng như sự nỗ lực của Cán bộ nhân viên Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 có lãi nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch đặt ra:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% thực hiện so với kế hoạch năm
Tổng Doanh thu	51.830	35.885	69,2%
Tổng Chi phí	36.649	25.557	69,7%
LN trước thuế	15.181	10.328	68%
Vốn điều lệ	150.000	150.000	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020)

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và Phụ trách Kế toán: Ban điều hành và kế toán trưởng tại thời điểm 31/12/2020 gồm các thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	0	0
2	Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0	0
3	Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	3.750	0,025%
4	Trần Văn Toàn	Giám đốc chi nhánh	0	0
5	Nguyễn Quỳnh Mai	Kế toán trưởng	0	0

- Thông tin về các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng của VIS như sau:

- Ông Dương Kỳ Hiệp – Tổng Giám đốc. Ông Hiệp đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí chủ chốt tại các Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín như Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc Khối Vận hành.
- Ông Vĩnh Bảo Quốc – Phó Tổng Giám đốc thường trực. Ông Quốc đã có hơn 10 năm làm việc trong ngành Tài chính, Chứng khoán. Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Giám đốc Giám sát – Phụ trách rủi ro tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín.
- Ông Vũ Hoàng Minh – Phó Tổng Giám đốc. Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, đặc biệt là mảng Tư vấn Doanh nghiệp (tư vấn mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp...). Ông Minh đã từng làm các vị trí quản lý tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam, Công ty Chứng khoán Ngân hàng ACB và tư vấn thành công nhiều dự án cho các doanh nghiệp lớn trong nước.
- Ông Trần Văn Toàn – Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh. Ông Toàn tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đầu tư, phân tích, tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Bà Nguyễn Quỳnh Mai – Kế toán trưởng. Bà Mai tốt nghiệp trường Đại học DL Thăng Long và đã có trên 10 năm kinh nghiệm làm nghiệp vụ kế toán. Tháng 05/2018, bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành của VIS trong năm 2020.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng cán bộ nhân viên tại thời điểm 01/01/2020 là 33 người, tại thời điểm 31/12/2020 là 38 cán bộ nhân viên.
- Chính sách đối với người lao động:
 - Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:
 - + Về tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - + Về phụ cấp và Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

- **Chính sách đào tạo:**
Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên. Chẳng hạn như việc cung cấp nguồn kinh phí cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.
 - **Chế độ khen thưởng, phúc lợi:**
Được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng tại các dịp lễ, tết nhằm động viên khuyến khích người lao động.
 - **Chế độ việc làm:**
Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.
3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:** Trong năm 2020, Công ty không có các khoản đầu tư giá trị lớn.
4. **Tình hình tài chính:**
- a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	221.834	214.976	-3,1%
2	Vốn chủ sở hữu	157.188	164.232	4,5%
3	Vốn điều lệ	150.000	150.000	
4	Tổng Doanh thu	27.690	35.885	29,6%
5	Tổng Chi phí	26.924	25.557	-5,1%
6	Tổng LN trước thuế	766	10.328	1.248,3%
7	Lợi nhuận sau thuế	766	7.158	834,5%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2020)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,51	3,08
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,51	3,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,24
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,31
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay tổng tài Sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,12	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,5%	4,5%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,3%	3,3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,8%	19,9%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,7%	30,1%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 15.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	3	11.411.777	76,1%
2	Cổ đông nắm giữ	8	2.214.567	14,8%

	từ 1% đến dưới 5%			
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	88	1.373.656	9,2%
Tổng cộng		99	15.000.000	100%

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Trong nước	96	14.870.000	99,13
	- Cá nhân	91	5.226.361	34,84
	- Tổ chức	5	9.643.639	64,29
2	Nước ngoài	3	130.000	0,87
	- Cá nhân	3	130.000	0,87
	- Tổ chức	0	0	0
Tổng cộng		99	15.000.000	100%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49% vốn điều lệ.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 VND)	Hình thức phát hành
1	15/09/2014		60.000.000	Thành lập công ty
2	20/10/2016	60.000.000	150.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động: (xem Phần II mục 2)

6.3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ

chức.

- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tố chất.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, cơ quan thuế, BHXH, ...

6.5 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
không phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019	2020F	2020	2020/2020F
Tổng Doanh thu	27.690	51.830	35.884	69.23%
Tổng Chi phí	26.924	36.649	25.556	69.7%
Tổng LN trước thuế	766	15.181	10.328	68%
LN sau thuế	766	12.145	7.158	58.9%

Năm 2020, TTCKVN nói riêng và TTCK thế giới nói chung đã chịu nhiều tác động tiêu cực từ sự bùng phát dịch bệnh Covid-19. Trong giai đoạn nửa đầu năm 2020, TTCKVN đã trải qua nhiều biến cố khó lường, có lúc TTCK đã giảm rất sâu, ảnh hưởng lớn tới tâm lý của nhà đầu tư. VIS là một thành viên của TTCKVN nên cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực này và cũng ảnh hưởng lớn tới kế hoạch hoạt động kinh doanh của VIS. Tuy nhiên, cùng với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ nhằm ngăn chặn và hạn chế dịch bệnh Covid-19, ổn định nền kinh tế, BLD VIS cũng đã có những giải pháp quyết liệt để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh. Mặc dù không đạt được các chỉ tiêu như kế hoạch đề ra ban đầu, nhưng bức tranh kinh doanh của VIS đã có nhiều sự cải thiện rõ nét, cụ thể: Tổng doanh thu tăng trưởng 29.6% so với năm 2019, trong khi tiết giảm tổng chi phí 5.1% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế được cải thiện rõ rệt với sự tăng trưởng gấp 13.5 lần so với năm 2019.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:
 - Nâng cấp toàn diện hệ thống giao dịch phục vụ lợi ích nhà đầu tư;
 - Cải tiến các tiện ích và tích năng, đa dạng hóa công cụ giao dịch;

- Nâng cao nhận thức và trình độ cho CBNV, đặc biệt là các bộ phận Môi giới&TVĐT, DVKH...

2. *Tình hình tài chính*

a) **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản của công ty đạt 214.9 tỷ vào thời điểm 31.12.2020, giảm 3.12% so với năm 2019, chủ yếu là do giảm tài sản ngắn hạn (-3.94%), trong đó khoản mục tài sản ngắn hạn khác giảm mạnh tới 11.1% so với năm 2019. Các khoản cho vay (GDKQ, ứng trước TBCK) tăng trưởng 95.4% so với cuối năm 2019, trong khi đó năng lực quản trị rủi ro và định lượng rủi ro của công ty đã có nhiều cải thiện vượt trội, thể hiện qua chỉ số các khoản nợ phải thu quá hạn và nợ phải thu khó đòi không có phát sinh mới trong năm 2020.

b) **Tình hình nợ phải trả**

Hiện tại, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, VIS chỉ phát sinh quan hệ tín dụng với NHTMCP Phương Đông (OCB). Số dư nợ tại OCB vào thời điểm cuối năm 2020 chỉ đạt 7 tỷ đồng so với số dư nợ 39.24 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2019, thể hiện khả năng tự chủ nguồn vốn kinh doanh của công ty. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31.12.2020 đạt 164.23 tỷ đồng, chiếm 76.4%/Tổng nợ và Vốn chủ sở hữu. Năm 2019, chỉ tiêu này chỉ đạt 70.86%.

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: BHXH, BHYT, Thuế, các Sở giao dịch chứng khoán và TTLKCK Việt nam... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Bắt đầu từ thời điểm năm 2018, công ty đã thay đổi toàn diện cơ cấu tổ chức, chính sách kinh doanh và quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thế hệ kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà

đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cùng với sự phát triển của công nghệ và TTCKVN, trong thời gian tới, công ty định hướng mục tiêu phát triển theo các tiêu chí cốt lõi:

- Bổ sung nguồn vốn hoạt động từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm chủ động hơn nữa nguồn kinh doanh và đầu tư;
- Đạt thị phần môi giới và giao dịch khoảng 3%;
- Tập trung ứng dụng và phục vụ nhà đầu tư 100% thông qua kênh trực tuyến;
- Số hóa toàn bộ hoạt động quản lý, kinh doanh của công ty nhằm giảm thiểu tối đa các chi phí hoạt động;
- Tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ý thức và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự, đặc biệt đối với BLD, cán bộ quản lý và nhân sự trực tiếp kinh doanh nhằm tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ mới trên thị trường theo định hướng phát triển của cơ quan quản lý Nhà nước, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống MMTB và thay thế ngay khi cần thiết. Qua đó cũng góp phần giúp công ty tiết giảm chi phí tiêu thụ điện hàng tháng (trung bình tiết kiệm được khoảng 30% tiền điện hàng tháng).

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định “Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển”, do đó, công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty năm 2020:

Đại dịch Covid-19 bắt đầu ảnh hưởng tới TTCK Việt Nam từ cuối tháng 1-2020, sớm hơn thế giới tới gần một tháng. Phản ứng của các nhà đầu tư trên toàn cầu đã dẫn đến một đợt sụt giảm nhanh và mạnh chưa từng thấy trên các TTCK. VN-Index chỉ trong hai tháng sau đó đã sụt giảm 33,51% xuống mức thấp nhất trong vòng ba năm. Tuy nhiên cùng với khả năng kiểm soát dịch bệnh thành công, TTCK Việt Nam đã phục hồi nhanh chóng trong chín tháng còn lại của năm 2020 với mức tăng trưởng gần 60% kể từ đáy và tăng so với cuối năm 2019 hơn 9%. Theo số liệu công bố của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, trong năm 2020 nhà đầu tư trong nước đã mở mới gần 394.000 tài khoản, tăng gấp đôi so với 2019. Thanh khoản thị trường tăng trưởng với khối lượng giao dịch bình quân năm 2020 đạt 335,5 triệu đơn vị/phiên, giá trị giao dịch đạt 6,29 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng lần lượt 83,84% và 52,41% so với năm 2019.

Kết thúc ngày 31/12/2020, chỉ số VN-Index khép phiên với 1103,87 điểm, tăng gần 15% so với đầu năm 2020. Quy mô thị trường tính đến hết ngày 31/12/2020 có tổng số mã chứng khoán giao dịch trên HOSE có: 392 cổ phiếu, 3 chứng chỉ quỹ đóng, 7 chứng chỉ quỹ ETF, 118 chứng quyền có bảo đảm và 33 trái phiếu niêm yết. Tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết đạt hơn 99,73 tỷ cổ phiếu, giá trị vốn hóa niêm yết đạt hơn 4,08 triệu tỷ đồng, tăng 13,17% so với tháng trước và đạt khoảng 67,59% GDP năm 2019.

Trong bối cảnh thị trường Chứng khoán trong nước nhiều biến động, mặc dù HĐQT đã chỉ đạo sát sao và toàn thể Ban điều hành cũng như Cán bộ nhân viên Công ty đã cố gắng nỗ lực, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 tuy có lãi nhưng chưa đạt được kế hoạch đặt ra:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% thực hiện so với kế hoạch năm
Tổng Doanh thu	51.830	35.885	69,2%
Tổng Chi phí	36.649	25.557	69,7%
Lợi nhuận trước thuế	15.181	10.328	68%
Vốn điều lệ	150.000	150.000	

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định pháp luật;
- Ban TGDĐ đã tiếp thu và có những biện pháp triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;
- Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính được ưu tiên phát triển theo hướng bền vững, quản trị được rủi ro, đảm bảo duy trì thị phần giao dịch;
- Ban TGDĐ tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp quy, quy chế, quy trình, quy định, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. *Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021:*

Với mục tiêu phát triển VIS trở thành công ty chuyên cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên biệt cho khách hàng cá nhân và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh của thị trường, năm 2021 HĐQT tập trung triển khai các hoạt động sau:

- a) Triển khai chiến lược phát triển đến năm 2021, với mục tiêu duy trì thị phần ổn định tối thiểu 1%, đưa ROE tối thiểu 5% vào năm 2021 trên nền tảng đảm bảo an toàn và kiểm soát rủi ro;
- b) Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021, với mục tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 42,1 tỷ đồng;
- c) Tiếp tục tái cấu trúc và cải tổ toàn bộ hoạt động VIS ở các mảng trọng điểm:
 - Tổ chức lại mô hình kinh doanh của VIS, trong đó tập trung phát triển hoạt động dịch vụ môi giới chuyên biệt, mở rộng kênh bán hàng, phát triển các sản phẩm và tiện ích mới nhằm đa dạng hóa các dịch vụ tài chính.
 - Công tác quản trị rủi ro: rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty.
 - Công tác nhân sự: tập trung tuyển dụng, đào tạo nhân sự tốt bổ sung cho các mảng hoạt động kinh doanh còn thiếu, đồng thời rà soát lại chính sách đãi ngộ để tạo động lực giữ người và phát triển.

V. *Quản trị công ty:*

1. Hội đồng quản trị :

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT công ty đến thời điểm 31/12/2020 gồm có:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch	400.000	2,67%
2	Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch thường trực	0	0
3	Cao Quế Lâm	Thành viên	1.565.978	10,44%
4	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên HĐQT độc lập	249.160	1,66%
5	Võ Quang Long	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, đồng thời cũng đưa ra những quyết định nhanh chóng, kịp thời về chiến lược, định hướng hoạt động của VIS.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ-HĐQT	08/01/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
2	02/2020/NQ-HĐQT	17/01/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
3	03/2020/NQ-HĐQT	21/02/2020	Kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12/2019 và tháng 1/2020	100%
4	04/2020/NQ-HĐQT	10/03/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
5	05/2020/NQ-HĐQT	03/02/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
6	06/2020/NQ-HĐQT	24/04/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
7	07/2020/NQ-HĐQT	24/04/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
8	08/2020/NQ-HĐQT	29/04/2020	Kết quả hoạt động kinh doanh tháng 2,3/2020	100%
9	09/2020/NQ-HĐQT	20/05/2020	Thông qua việc thay đổi địa chỉ chi nhánh	100%
10	10/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%

11	11/2020/NQ-HĐQT	09/07/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
12	13/2020/NQ-HĐQT	22/9/2020	Kết quả hoạt động kinh doanh tháng tháng 5,6,7,8/2020	100%
13	12/2020/NQ-HĐQT	06/08/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
14	14/2020/NQ-HĐQT	30/10/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
15	15/2020/NQ-HĐQT	28/12/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%
16	16/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Thông qua nội dung liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty	100%

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia và đóng góp ý kiến tại của mình tại các cuộc họp của HĐQT mà thành viên tham dự.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Ông Đào Duy Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Ông Trần Bình Ôn	Thành viên BKS	845.799	5,64%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên BKS	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các phiên họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình

thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban điều hành:

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đã tạm ứng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 là: 444.000.000 đồng.

+ Chi phí khác cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020: không phát sinh.

+ Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi phí khác đã tạm ứng năm 2020 là: 444.000.000 đồng.

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Phụ lục đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội, tháng 03 năm 2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Ủy viên
Ông Võ Quang Long	Ủy viên
Ông Cao Quế Lâm	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Dương Kỳ Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Nguyễn Thị Thu Trang - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Nguyễn Thị Thu Trang
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Số: 58 /2021/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 24/03/2021 và được trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2909-2020-055-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.692.236.297	161.036.606.033
I. Tài sản tài chính	110		141.126.160.672	145.784.162.009
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	7.967.221.474	51.107.196.682
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	9.027.373.630	25.701.536.496
3. Các khoản cho vay	114	7.2	111.537.456.876	57.066.115.451
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3	(20.777.181.233)	(21.150.019.302)
5. Các khoản phải thu	117	10	31.523.832.923	31.647.693.515
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		31.126.250.410	31.141.205.020
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		397.582.513	506.488.495
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		397.582.513	506.488.495
6. Trả trước cho người bán	118		136.816.330	136.816.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		410.551.114	261.497.259
8. Các khoản phải thu khác	122		8.682.986.082	8.313.491.535
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(7.382.896.524)	(7.300.165.957)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		13.566.075.625	15.252.444.024
1. Tạm ứng	131		13.110.914.516	15.136.230.703
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		455.161.109	116.213.321
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.284.230.984	60.797.722.525
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		51.600.000.000	51.600.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	11	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.852.703.842	4.652.951.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.988.365.533	2.364.403.598
- Nguyên giá	222		29.060.925.642	29.096.421.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(27.072.560.109)	(26.732.018.335)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.864.338.309	2.288.548.357
- Nguyên giá	228		15.583.292.732	15.583.292.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.718.954.423)	(13.294.744.375)
III. Tài sản dài hạn khác	250		4.831.527.142	4.544.770.570
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		490.231.281	521.290.227
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		682.291.231	565.970.827
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	3.659.004.630	3.457.509.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.976.467.281	221.834.328.558

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

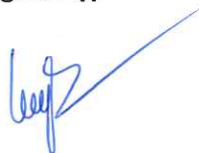
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		50.744.964.628	64.646.275.233
I. Nợ ngắn hạn	310		50.193.838.046	64.095.148.651
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	7.000.000.000	39.240.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		100.000	490.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	16.418.622.782	16.535.122.782
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		435.500.000	325.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	17.751.321.067	963.720.277
6. Phải trả người lao động	323		1.437.703.740	699.339.344
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		103.980.003	75.776.808
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	1.005.472.504	1.314.219.987
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		430.461.396	166.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	19	5.437.190.978	4.393.433.332
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		173.485.576	381.084.725
II. Nợ phải trả dài hạn	340		551.126.582	551.126.582
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		551.126.582	551.126.582
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.231.502.653	157.188.053.325
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	164.231.502.653	157.188.053.325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		150.000.000.000	150.000.000.000
<i>a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		492.113.576	377.273.141
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		514.057.278	399.216.843
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		8.107.670.259	1.293.901.801
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		9.814.355.396	3.450.544.424
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(1.706.685.137)	(2.156.642.623)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		214.976.467.281	221.834.328.558

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		15.000.000	15.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	23.1	1.633.130.000	1.637.550.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.420.000	1.420.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	23.2	2.692.400.000	31.432.400.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23.3	3.244.933.050.000	3.791.291.980.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.356.973.710.000	1.417.674.960.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		4.155.170.000	16.144.330.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.859.514.440.000	2.354.851.320.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		35.970.000	35.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		24.253.760.000	2.585.400.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23.4	48.377.760.000	48.817.730.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		22.269.370.000	22.709.340.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.100.000.000	7.100.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		19.008.390.000	19.008.390.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026		112.493.044.160	44.506.189.584
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	23.5	71.047.684.960	29.171.434.984
3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	23.5	41.398.951.700	15.334.754.600
3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		46.407.500	-
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	23.6	112.446.636.660	44.506.189.584
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		110.886.433.278	43.162.383.765
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.560.203.382	1.343.805.819
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		46.407.500	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		3.036.255.850	6.394.031.053
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	24	2.858.784.330	5.398.952.653
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính	01.3		177.471.520	995.078.400
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		5.194.556.254	6.341.874.392
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		9.265.691.302	4.229.923.183
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		4.375.041.315	1.610.570.627
1.5. Doanh thu hoạt động tự vấn tài chính	10		7.779.090.908	4.249.636.364
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		5.713.566.345	4.178.142.165
Cộng doanh thu hoạt động	20		35.364.201.974	27.004.177.784
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(448.724.821)	(5.443.537.382)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	24	1.232.665	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	25	(449.957.486)	(5.443.537.382)
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	25	159.849.984	10.944.304.046
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		7.103.136.140	3.887.293.257
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.219.666.825	1.237.724.055
2.7. Chi phí hoạt động tự vấn tài chính	31		1.403.531.475	917.632.790
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32		1.819.727.854	1.630.602.206
Cộng chi phí hoạt động	40		11.257.187.457	13.174.018.972
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		71.133.560	69.140
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		448.635.747	672.024.779
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		519.769.307	672.093.919
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		85.959.030	14.954.610
4.2. Chi phí lãi vay	52		2.407.948.131	2.971.149.726
Cộng chi phí tài chính	60		2.493.907.161	2.986.104.336
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	26	11.335.223.116	10.763.791.909
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		10.797.653.547	752.356.486

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		1.485.695	13.305.396
8.2. Chi phí khác	72		471.127.609	58.979
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(469.641.914)	13.246.417
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		10.328.011.633	765.602.903
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		9.878.054.147	(4.677.934.479)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		449.957.486	5.443.537.382
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		3.169.721.870	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	3.169.721.870	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		7.158.289.763	765.602.903
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	28	477	43

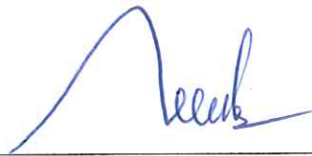
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Đương Kỳ Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B03a - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(2.749.217.842.915)	(936.991.917.521)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	2.742.170.966.688	981.312.533.876
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	-	(207.028.683)
4. Cổ tức đã nhận	04	177.471.520	995.072.400
5. Tiền lãi đã thu	05	5.535.539.097	6.327.455.177
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(2.459.656.245)	(2.922.019.923)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(7.402.719.690)	(5.840.634.962)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(5.950.624.295)	(5.522.554.502)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(26.390.234.413)	(7.667.255.411)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	691.575.840.876	486.875.776.790
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(658.733.854.028)	(475.543.607.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.695.113.405)	40.815.820.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(160.590.909)	(3.140.859.128)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	181.818	7.272.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(160.409.091)	(3.133.586.400)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	33	74.745.000.000	71.792.260.205
1.1. Tiền vay khác	33.2	74.745.000.000	71.792.260.205
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107.029.452.712)	(72.639.279.047)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(107.029.452.712)	(72.639.279.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.284.452.712)	(847.018.842)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50	(43.139.975.208)	36.835.214.814
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	51.107.196.682	14.271.981.868
Tiền	61	51.107.196.682	14.271.981.868
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	7.967.221.474	51.107.196.682
Tiền	71	7.967.221.474	51.107.196.682

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	2.604.150.768.770	1.064.768.493.970
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(4.544.759.460.863)	(2.065.653.695.897)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.008.549.139.169	1.017.120.119.169
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	124.948.473.575	93.165.341.771
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(124.902.066.075)	(93.165.341.771)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	67.986.854.576	16.234.917.242
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm 30 của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	44.506.189.584	28.271.272.342
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	29.171.434.984	28.266.930.934
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	15.334.754.600	4.341.408
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 40 của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	112.493.044.160	44.506.189.584
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	71.047.684.960	29.171.434.984
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	41.398.951.700	15.334.754.600
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	46.407.500	-

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Đương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2019		Năm 2019		Năm 2020	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	347.923.202	377.273.141	29.349.939	114.840.435	-	377.273.141
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	369.866.904	399.216.843	29.349.939	114.840.435	-	399.216.843
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	586.998.776	1.293.901.801	5.443.537.382	4.736.634.357	7.158.289.763	1.293.901.801
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	8.187.178.781	3.450.544.424	-	4.736.634.357	6.708.332.277	3.450.544.424
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.600.180.005)	(2.156.642.623)	5.443.537.382	-	449.957.486	(2.156.642.623)
Tổng cộng	156.422.450.422	157.188.053.325	5.502.237.260	4.736.634.357	7.387.970.633	157.188.053.325
						164.231.502.653

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Đương Kỳ Hiệp

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06/03/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ của Công ty: được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 3 ngày 07/03/2018.

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số

liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần; Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 29.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	7.966.961.728	51.106.936.936
Cộng	7.967.221.474	51.107.196.682

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	42.655.658	282.675.338.531
- Trái phiếu	2.700.768	1.080.734.944.570
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	431.315.620	4.910.142.314.040
- Chứng khoán khác	1.037.330	1.023.415.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	4.405.884.056	2.724.265.720	4.412.046.922	2.278.415.440
TNB	3.293.628.000	1.984.800.000	3.293.628.000	1.468.752.000
HMS	1.091.700.000	700.080.000	1.091.700.000	767.171.000
Khác	20.556.056	39.385.720	26.718.922	42.492.440
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.620.889.574	4.620.889.574	21.288.889.574	21.288.889.574
Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	21.168.000.000	21.168.000.000
Khác	1.739.574	1.739.574	1.739.574	1.739.574
Trái phiếu	600.000	600.000	600.000	600.000
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Cộng	9.027.373.630	7.345.755.294	25.701.536.496	23.567.905.014

(*) Một số cổ phiếu niêm yết Công ty đang nắm giữ hiện được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (Xem thêm tại Thuyết minh số 17).

7.2. Các khoản phải thu và cho vay

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay margin	84.335.937.283	83.101.634.651	38.104.125.729	36.869.823.097
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	8.569.108.807	8.569.108.807	329.124.507	329.124.507
Cho vay tài sản tài chính khác	18.632.410.786	796.217.322	18.632.865.215	873.791.168
Cộng	111.537.456.876	92.466.960.780	57.066.115.451	38.072.738.772

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

7.3. Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối năm

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
			Giá sổ sách kế toán thời điểm lập BCTC	Giá thị trường tại phòng lập BCTC		
I	FVTPL	432.641	9.027.373.630	7.345.755.294	2.156.642.623	(449.957.486)
	Cổ phiếu niêm yết					
	TNB	132.320	3.293.628.000	1.984.800.000	1.824.876.000	(516.048.000)
	HMS	29.170	1.091.700.000	700.080.000	324.529.000	67.091.000
	Khác	1.823	20.556.056	39.385.720	7.237.623	(1.000.486)
	Cổ phiếu chưa niêm yết					
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	150.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
	Khác	172	1.739.574	1.739.574	-	-
	Trái phiếu	6	600.000	600.000	-	-
II	TSTC HTM	-	-	-	-	-
III	TSTC cho vay	-	111.537.456.876	92.466.960.780	18.993.376.679	77.119.417
IV	TSTC AFS	-	-	-	-	-
	Cộng		120.564.830.506	99.812.716.074	21.150.019.302	(372.838.069)

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2020	Số dự phòng đầu năm loại lại trong năm		Số trích lập/phân loại lại trong năm		Số hoàn nhập trong năm		Số dự phòng cuối năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác										
Bà Nguyễn Thị Hà Phương	> 3 năm	3.385.810.294	3.385.810.294	-	-	-	-	-	-	3.385.810.294
Ông Đặng Vũ Thành	> 3 năm	3.722.325.349	3.722.325.349	-	-	-	-	-	-	3.722.325.349
Các đối tượng khác	> 3 năm	192.030.314	192.030.314	-	-	-	-	-	-	192.030.314
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp										
Các đối tượng khác	> 3 năm	83.210.467	-	-	82.730.567	-	-	-	-	82.730.567
Cộng		7.383.376.424	7.300.165.957	82.730.567	82.730.567	-	-	-	-	7.382.896.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	20.777.181.233	21.150.019.302
Các tài sản tài chính FVTPL	1.706.685.137	2.156.642.623
- Cổ phiếu	1.706.685.137	2.156.642.623
Các khoản cho vay	19.070.496.096	18.993.376.679
Dài hạn	-	-
Cộng	20.777.181.233	21.150.019.302

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.126.250.410	31.141.205.020
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	23.144.751.410	23.159.706.020
- Bà Phan Thị Giang	4.320.033.000	-
- Bà Kiều Hồng Hỷ	3.661.466.000	-
- Phan Bá Tuấn	-	4.000.000.000
- Trần Doãn Đình	-	3.981.499.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	397.582.513	506.488.495
- Dự thu lãi cho vay Margin	397.582.513	490.181.646
- Dự thu lãi các tài sản tài chính khác	-	16.306.849
Cộng	31.523.832.923	31.647.693.515

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Tại ngày 31/12/2020, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 23.144.751.410 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 15). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong Hợp đồng đúng thời hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Là khoản tiền 50.700.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11/2024.

12. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	27.360.761.953	1.735.659.980	29.096.421.933
Mua trong năm	44.090.909	-	44.090.909
Thanh lý, nhượng bán	(79.587.200)	-	(79.587.200)
Tại ngày 31/12/2020	27.325.265.662	1.735.659.980	29.060.925.642
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	24.996.358.355	1.735.659.980	26.732.018.335
Khấu hao trong năm	420.128.974	-	420.128.974
Thanh lý, nhượng bán	(79.587.200)	-	(79.587.200)
Tại ngày 31/12/2020	25.336.900.129	1.735.659.980	27.072.560.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	2.364.403.598	-	2.364.403.598
Tại ngày 31/12/2020	1.988.365.533	-	1.988.365.533
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	<i>22.031.185.060</i>	<i>1.735.659.980</i>	<i>23.766.845.040</i>
<i>Nguyên giá TSCĐ không sử dụng</i>	<i>1.892.653.961</i>	<i>-</i>	<i>1.892.653.961</i>
<i>Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý</i>	<i>478.394.490</i>	<i>-</i>	<i>478.394.490</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	15.583.292.732	15.583.292.732
Tại ngày 31/12/2020	15.583.292.732	15.583.292.732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	13.294.744.375	13.294.744.375
Khấu hao trong năm	424.210.048	424.210.048
Tại ngày 31/12/2020	13.718.954.423	13.718.954.423
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	2.288.548.357	2.288.548.357
Tại ngày 31/12/2020	1.864.338.309	1.864.338.309
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	12.218.380.882	12.218.380.882

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.457.509.516	3.095.484.873
Tiền nộp bổ sung trong năm	-	207.028.683
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	201.495.114	154.995.960
Số dư cuối năm	3.659.004.630	3.457.509.516

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Phải trả nhà cung cấp khác	302.800	116.802.800
Cộng	16.418.622.782	16.535.122.782

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	49.628.538	781.168.762	567.648.903	263.148.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.169.721.870	2.291.285.274	878.436.596
Thuế thu nhập cá nhân	914.091.739	39.222.944.571	23.527.300.236	16.609.736.074
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	963.720.277	43.177.835.203	26.390.234.413	17.751.321.067

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020	Vay trong năm	Trả trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (*)	29.500.000.000	62.000.000.000	84.500.000.000	7.000.000.000
Vay cá nhân	9.740.000.000	12.789.452.712	22.529.452.712	-
Cộng	39.240.000.000	74.789.452.712	107.029.452.712	7.000.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0259/2020/HĐTD-OCB-DN ngày 06/08/2020. Hạn mức cho vay tối đa 50 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động tự kinh doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp với quy định. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm 3.297.796 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thuộc sở hữu của các ông Cao Quế Lâm, Trần Bình Ôn, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Quyết Tiến, bà Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Hương và Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt; các cổ phiếu hiện Công ty đang nắm giữ bao gồm 132.320 cổ phiếu TNB, 29.170 cổ phiếu HMS và 550.000 cổ phiếu VSA thuộc sở hữu của ông Cao Quế Lâm (cổ đông của Công ty) cùng 500.000 cổ phiếu BSL của Công ty cổ phần Thực phẩm Xanh (bên thứ ba).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.320.548	189.433.153
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	147.219.250	28.574.197
Chi phí phải trả Freewill	367.447.020	689.353.720
Các khoản khác	481.485.686	406.858.917
Cộng	<u>1.005.472.504</u>	<u>1.314.219.987</u>

19. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Các khoản khác	3.887.190.978	2.843.433.332
Cộng	<u>5.437.190.978</u>	<u>4.393.433.332</u>

20. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	58.910.825	4.089.124
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	204.923.223	197.957.735
Cộng	<u>263.834.048</u>	<u>202.046.859</u>

21. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả gốc margin	84.335.937.283	38.104.125.729
Phải trả lãi margin	-	-
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	8.569.108.807	329.124.507
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	8.569.108.807	329.124.507
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-
Phải trả các khoản khác	18.632.410.786	18.632.865.215
Cộng	<u>111.537.456.876</u>	<u>57.066.115.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	150.000.000.000	347.923.202	369.866.904	5.117.661.540	586.998.776	156.422.450.422					
Lãi trong năm	-	-	-	-	765.602.903	765.602.903					765.602.903
Phân phối lợi nhuận	-	29.349.939	29.349.939	-	(58.699.878)	-					-
Tại ngày 31/12/2019	150.000.000.000	377.273.141	399.216.843	5.117.661.540	1.293.901.801	157.188.053.325					
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.158.289.763	7.158.289.763					7.158.289.763
Phân phối lợi nhuận (*)	-	114.840.435	114.840.435	-	(344.521.305)	(114.840.435)					
Tại ngày 31/12/2020	150.000.000.000	492.113.576	514.057.278	5.117.661.540	8.107.670.259	164.231.502.653					

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020, chi tiết: Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 114.840.435 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 114.840.435 đồng và quỹ khen thưởng, phúc lợi 114.840.435 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hường Việt	90.000.000.000	60%	90.000.000.000	60%
Ông Cao Quế Lâm	15.659.780.000	10%	15.659.780.000	10%
Các đối tượng khác	44.340.220.000	30%	44.340.220.000	30%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**23.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.633.130.000	1.637.550.000
Cộng	<u>1.633.130.000</u>	<u>1.637.550.000</u>

23.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Cổ phiếu	2.691.800.000	31.431.800.000
Trái phiếu	600.000	600.000
Cộng	<u>2.692.400.000</u>	<u>31.432.400.000</u>

23.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.356.973.710.000	1.417.674.960.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.155.170.000	16.144.330.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.859.514.440.000	2.354.851.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	35.970.000	35.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	24.253.760.000	2.585.400.000
Cộng	<u>3.244.933.050.000</u>	<u>3.791.291.980.000</u>

23.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.269.370.000	22.709.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.100.000.000	7.100.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	19.008.390.000	19.008.390.000
Cộng	<u>48.377.760.000</u>	<u>48.817.730.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23.5. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	71.047.684.960	29.171.434.984
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	41.398.951.700	15.334.754.600
Cộng	<u>112.446.636.660</u>	<u>44.506.189.584</u>

23.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	110.886.433.278	43.162.383.765
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	1.560.203.382	1.343.805.819
Cộng	<u>112.446.636.660</u>	<u>44.506.189.584</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

24. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền		Lãi/Lỗ bán chứng	
				tính đến cuối ngày giao dịch	VND	khoán năm nay	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL			691.469.561.316	688.610.776.986	2.858.784.330	5.398.952.653	
1. Cổ phiếu niêm yết			12.629.800	3.492.701	9.137.099	4.276.612.022	
- TIP	-	-	-	-	-	4.276.612.022	
- Cổ phiếu khác	481	26.257	12.629.800	3.492.701	9.137.099	-	
2. Cổ phiếu chưa niêm yết			150.959.709.231	148.369.562.000	2.590.147.231	1.122.340.631	
- OCB	22.764.509	6.631	150.959.709.231	148.369.562.000	2.590.147.231	1.122.340.631	
3. Trái phiếu niêm yết			540.497.222.285	540.237.722.285	259.500.000	-	
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	54	1.054.378.370	56.936.431.967	56.908.931.967	27.500.000	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	330	1.040.332.946	343.309.872.116	343.145.372.116	164.500.000	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim	1.350.000	103.890	140.250.918.202	140.183.418.202	67.500.000	-	
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL			1.437.500	2.670.165	(1.232.665)	-	
1. Cổ phiếu niêm yết			1.437.500	2.670.165	(1.232.665)	-	
- Cổ phiếu khác	159	-	1.437.500	2.670.165	(1.232.665)	-	
Cộng			691.470.998.816	688.613.447.151	2.857.551.665	5.398.952.653	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

25. CHÉNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	31/12/2020		Giá trị trường		Chênh lệch đánh		Chênh lệch đánh		Chênh lệch điều chỉnh	
	VND	VND	hoặc	Giá trị hợp lý	giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh	Chênh lệch đánh	Chênh lệch đánh	Chênh lệch điều chỉnh	Chênh lệch điều chỉnh
	VND	VND	Giá trị hợp lý	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Loại FVTPL	9.027.373.630	7.345.755.294	7.345.755.294	1.706.685.137	2.156.642.623	(449.957.486)				
Cổ phiếu niêm yết	4.405.884.056	2.724.265.720	2.724.265.720	1.706.685.137	2.156.642.623	(449.957.486)				
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.620.889.574	4.620.889.574	4.620.889.574	-	-	-				
Trái phiếu	600.000	600.000	600.000	-	-	-				
Loại HTM	-	-	-	-	-	-				
Loại các khoản cho vay và phải thu	111.537.456.876	92.466.960.780	92.466.960.780	19.070.496.096	18.993.376.679	77.119.417				
Loại AFS	-	-	-	-	-	-				
Cộng	120.564.830.506	99.812.716.074	99.812.716.074	20.777.181.233	21.150.019.302	(372.838.069)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác	4.844.523.695	4.646.925.964
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	476.630.546	487.860.637
Chi phí vật tư văn phòng	30.825.466	25.636.263
Chi phí công cụ, dụng cụ	237.701.885	186.474.011
Chi phí khấu hao TSCĐ	844.339.022	806.339.032
Thuế, phí và lệ phí	337.881.990	302.332.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.853.428.537	3.565.262.472
Chi phí khác	709.891.975	742.961.052
Trong đó:		
<i>Thù lao Ban kiểm soát</i>	<i>132.000.000</i>	<i>126.000.000</i>
Cộng	11.335.223.116	10.763.791.909

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.328.011.633	765.602.903
Các khoản điều chỉnh:	308.610.699	(980.064.811)
Trừ:	(247.259.700)	(995.078.400)
- Thu nhập từ cổ tức	(177.471.520)	(995.078.400)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu năm nay	(69.788.180)	-
Cộng:	555.870.399	15.013.589
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	471.127.609	58.979
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu năm nay	84.742.790	14.954.610
Thu nhập chịu thuế	10.636.622.332	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	2.127.324.466	-
Giảm thuế TNDN (*)	638.197.340	-
Thuế TNDN sau giảm thuế	1.489.127.126	-
Thuế TNDN các năm trước	1.680.594.744	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.169.721.870	-

(*) Giảm thuế TNDN năm 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19/06/2020 về việc giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.158.289.763	765.602.903
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	114.840.435
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.158.289.763	650.762.468
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	477	43

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*) Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2020, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23/06/2020.

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	Cổ đông nắm giữ 60% vốn điều lệ
Ông Cao Quế Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Doanh thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư	4.365.479.453	1.882.191.781
Phí đại lý đăng ký lưu ký và quản lý trái phiếu	22.000.000	-
Phí lưu ký, phong tỏa tài khoản	27.272.728	25.818.182
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.927.700.000	2.807.922.727

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Phải thu phí lưu ký, phí phong tỏa tài khoản	-	28.400.000
Tạm ứng		
Ông Dương Kỳ Hiệp	1.120.000.000	3.231.040.000
Ông Vũ Hoàng Minh	2.357.040.000	1.960.000.000
Ông Cao Quế Lâm	7.000.000.000	7.000.000.000

30. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH COVID 19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Dịch viêm đường hô hấp Covid -19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc, hiện nay đã lan tới 200 nước và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Tại Việt Nam, dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp, theo đó Ban Tổng giám đốc đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid 19 đến toàn bộ nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán là rất lớn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát tất cả các dịch vụ chứng khoán do Nhà nước định giá, trên cơ sở đó, ngày 18/3, Bộ Tài chính đã kịp thời ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC, trong đó giảm giá và miễn hoàn toàn không thu đối với 15 loại dịch vụ chứng khoán nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

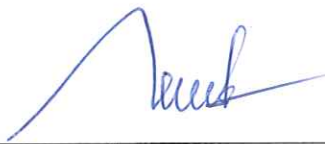
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai



Tổng Giám đốc

Đương Kỳ Hiệp